

## QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu:  
Mua sắm máy móc, thiết bị thuộc dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2020 của  
Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;*

*Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 26/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ, quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng;*

*Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT ngày 16/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu, lộ trình áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng và quản lý, sử dụng giá trị bảo đảm dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng không được hoàn trả;*

*Căn cứ Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 05/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh, quy định về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi của tỉnh Đắk Lắk;*

*Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 08/4/2019 của UBND tỉnh, ban hành Quy định mua sắm tài sản công theo phương thức tập trung trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;*

Căn cứ Quyết định số 3697/QĐ-UBND ngày 12/12/2019 của UBND tỉnh, về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020 cho các cơ quan, đơn vị thuộc ngân sách cấp tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1778/QĐ-UBND ngày 06/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh, về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 2679/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh, về phê duyệt mua sắm máy móc, thiết bị thuộc dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2020 của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo thẩm định số 3066/STC-HCSN ngày 10/11/2020.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua sắm máy móc, thiết bị thuộc dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2020 của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, với tổng dự toán là **8.524.950.000** đồng (Tám tỷ, năm trăm hai mươi bốn triệu, chín trăm năm mươi ngàn đồng) (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Sở Lao động, Thương binh và Xã hội (Bên mời thầu) có trách nhiệm thực hiện mua sắm máy móc, thiết bị theo đúng quy định hiện hành của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản khác có liên quan.

Sở Tài chính chịu trách nhiệm về công tác kiểm tra, thẩm định hồ sơ pháp lý theo quy định của pháp luật về đấu thầu và các văn bản quy định khác có liên quan.

Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổ chức giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư; Lao động, Thương binh và Xã hội; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận

- Như Điều 3;
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở TT&TT;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KT. (y\_08b)

CHỦ TỊCH



Phạm Ngọc Nghị



Phụ lục:

**KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU GÓI THẦU: MUA SẮM MÁY MÓC, THIẾT BỊ THUỘC DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2020 CỦA SỞ LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

(Kèm theo Quyết định số **2727/QĐ-UBND** ngày **12** /11/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

| TT   | Tên gói thầu  | Giá gói thầu (đồng) | Nguồn vốn                   | Hình thức/phương thức lựa chọn nhà thầu         | Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu | Loại hợp đồng | Thời gian thực hiện hợp đồng | Cơ quan giám sát      |
|--|---|---------------------|-----------------------------|---|---|---------------|------------------------------|-----------------------|
| 1  | <b>Phần công việc không thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu</b>                      |                     |                             |   |   |               |                              |                       |
|  | Chi phí thẩm định giá   | 34.900.000          | Ngân sách nhà nước năm 2020 |   |   |               |                              |                       |
|  | Chi phí lập HSMT và đánh giá hồ sơ dự thầu  | 17.050.000          |                             |   |   |               |                              |                       |
|  | Chi phí thẩm định HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu                                 | 8.525.000           |                             |   |   |               |                              |                       |
| 2  | <b>Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu</b>                            |                     |                             |   |   |               |                              |                       |
|  | Gói thầu: Mua sắm máy móc, thiết bị thuộc dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2020 | 8.524.950.000       | Ngân sách nhà nước năm 2020 | Đấu thầu rộng rãi /Một giai đoạn, một túi hồ sơ | Quý IV/2020                                 | Trọn gói      | 60 ngày                      | Sở Kế hoạch và Đầu tư |
| <b>Tổng cộng: 8.524.950.000 đồng (Tám tỷ, năm trăm hai mươi bốn triệu, chín trăm năm mươi ngàn đồng)</b> |   |                     |                             |   |   |               |                              |                       |

8